Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8476.81.00

Mã HS	8476.81.00
Mô tả hàng hóa	Máy bán hàng hóa tự động (ví dụ, máy bán tem bưu điện, máy bán thuốc lá, máy bán thực phẩm hoặc đồ uống), kể cả máy đổi tiền / - Máy khác: / - - Có lắp thiết bị làm nóng hoặc làm lạnh
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 13:32:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84768100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14411
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14411
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14411
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13758
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13699
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13699
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13699
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13699
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13699
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13699
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13753
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13753

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13753
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13753
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13753
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13753
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13754
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13754
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13754
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13754
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13754
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13754
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13757
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13705
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13713
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13713
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13713
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13713
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13713
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13713
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13744
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13744
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13744
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13744
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13744
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13744
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13793
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13793

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13793
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13793
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13793
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13793
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13776
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13776
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13776
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13776
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13776
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13776
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13776
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13776
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13776
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13776
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13776
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13776
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13791
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13791
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13791
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13791
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13791
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13791
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13790
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13790
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13790
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13790

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13790
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13790
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13770
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13770
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13770
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13770
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13770
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13770
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13770
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13778
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13778
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13778
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13778
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13778
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13778
RCEP B	2022	2022	0	B!D13778
RCEP B	2023	2023	0	B!E13778
RCEP B	2024	2024	0	B!F13778
RCEP B	2025	2025	0	B!G13778
RCEP B	2026	2026	0	B!H13778
RCEP B	2027	2027	0	B!I13778
RCEP C	2022	2022	0	C!D13778
RCEP C	2023	2023	0	C!E13778
RCEP C	2024	2024	0	C!F13778
RCEP C	2025	2025	0	C!G13778
RCEP C	2026	2026	0	C!H13778

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13778
RCEP D	2022	2022	0	D!D13777
RCEP D	2023	2023	0	D!E13777
RCEP D	2024	2024	0	D!F13777
RCEP D	2025	2025	0	D!G13777
RCEP D	2026	2026	0	D!H13777
RCEP D	2027	2027	0	D!I13777
RCEP E	2022	2022	0	E!D13781
RCEP E	2023	2023	0	E!E13781
RCEP E	2024	2024	0	E!F13781
RCEP E	2025	2025	0	E!G13781
RCEP E	2026	2026	0	E!H13781
RCEP E	2027	2027	0	E!I13781
RCEP F	2022	2022	0	F!D13778
RCEP F	2023	2023	0	F!E13778
RCEP F	2024	2024	0	F!F13778
RCEP F	2025	2025	0	F!G13778
RCEP F	2026	2026	0	F!H13778
RCEP F	2027	2027	0	F!I13778
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12790
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12790
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12790
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12790

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8476.81.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8476.81.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14411), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.